

Số: /2021/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Quy định chung về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình và quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 19 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng chống thiên tai,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định chung về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình và quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chung về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.

2. Thông tư này quy định cụ thể về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống thiên tai và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, bao gồm công trình cảnh báo thiên tai, công trình đê điều, kè, công trình phòng chống sạt lở; đập, hồ chứa thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn, chống lũ quét, cấp nước; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền và cảng cá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình là các khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

2. Công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn là những công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi phục vụ chống úng, hạn hán, xâm nhập mặn.

3. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền bao gồm khu neo đậu tránh trú bão độc lập và khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá.

4. Chủ sở hữu công trình là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu công trình sử dụng vốn nhà nước; tổ chức cá nhân tự đầu tư xây dựng công trình hoặc được chuyển giao quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

5. Chủ quản lý công trình là cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình thuộc Bộ chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các cấp; tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng công trình.

6. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình là tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

7. Bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình là những công việc nhằm bảo đảm, duy trì tính ổn định của công trình trước trong và sau thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra và không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai mới.

Điều 4. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình

1. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống thiên tai được quy định tại Điều 4 Luật phòng, chống thiên tai.

2. Tuân thủ các quy định về bảo trì, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình.

3. Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng công trình, không làm gia tăng rủi ro thiên tai và xuất hiện thiên tai mới.

4. Phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả sự cố công trình và các hoạt động gia tăng rủi ro thiên tai.

5. Thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai phù hợp để giảm thiểu rủi ro thiên tai.

6. Bảo đảm an toàn về người, trang thiết bị, an toàn công trình và khu vực lân cận do tác động của việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH

Điều 5. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình

1. Đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.

a) Thực hiện thường xuyên việc đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát công trình, vận hành công trình và khu vực chịu tác động do vận hành công trình, chú trọng các khu vực trọng điểm xung yếu của công trình, hạng mục công trình, khu vực có nguy cơ cao gia tăng rủi ro thiên tai khi vận hành công trình.

b) Thực hiện đo đạc, quan trắc, theo dõi diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình.

2. Bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình, máy móc, thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai và liên quan đến phòng chống thiên tai theo quy định.

3. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình hoặc hạng mục công trình phòng chống thiên tai, liên quan đến phòng chống thiên tai và khu vực chịu tác động khi vận hành công trình.

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ về hiện trạng, mức độ ổn định theo cấp độ rủi ro thiên tai đối với công trình hoặc hạng mục công trình.

b) Kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định theo cấp độ rủi ro thiên tai đối với công trình, hạng mục công trình ngay sau khi có cảnh báo thiên tai hoặc kết thúc đợt thiên tai.

4. Thực hiện các biện pháp phòng chống, đảm bảo an toàn công trình, hạng mục công trình trước thiên tai.

5. Sửa chữa, xử lý sự cố ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình hoặc hạng mục công trình phòng chống thiên tai, liên quan đến phòng chống thiên tai.

a) Tổ chức sửa chữa hư hỏng và xử lý kịp thời sự cố công trình, hạng mục công trình trong quá trình quản lý, vận hành và sử dụng.

b) Xử lý các tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình hoặc làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai.

c) Trường hợp hư hỏng, sự cố và các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình vượt quá khả năng phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý hoặc cơ quan quản lý cấp trên để được hỗ trợ.

6. Xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai

a) Phương án ứng phó thiên tai được xây dựng theo các nội dung quy định tại Điều 22, Luật Phòng chống thiên tai và các quy định khác có liên quan đến đảm bảo an toàn công trình.

b) Phương án ứng phó thiên tai phải đáp ứng về nhân lực, vật tư, phương tiện theo phương châm 4 tại chỗ “lực lượng tại chỗ; chỉ huy tại chỗ; vật tư, hậu cần tại chỗ; phương tiện tại chỗ” nhằm ứng phó, khắc phục kịp thời hậu quả thiên tai đối với công trình và khu vực lân cận.

c) Phương án ứng phó thiên tai phải được xây dựng, rà soát, điều chỉnh hàng năm theo quy định tại Luật Phòng chống thiên tai

d) Đối với phương án ứng phó thiên tai chưa được phê duyệt, phải tổ chức phê duyệt trước ngày 15 tháng 5.

7. Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình (đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành)

a) Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý công trình.

b) Khi vận hành công trình phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền nơi chịu tác động của quá trình vận hành, nhất là trong tình huống thiên tai đang diễn ra tại khu vực công trình và vùng bị tác động của quá trình vận hành.

c) Quá trình thực hiện vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào nhật ký vận hành công trình và được kiểm tra, giám sát.

8. Ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định.

9. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ về quản lý công trình, cơ sở dữ liệu về thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

a) Hồ sơ quản lý công trình phải được lưu trữ bao gồm tài liệu thiết kế công trình; tài liệu sửa chữa lớn, nâng cấp công trình; tài liệu về kiểm định, bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo kiểm tra mức độ an toàn phòng chống thiên tai; phương án ứng phó thiên tai; quy trình vận hành công trình và các tài liệu khác liên quan đến an toàn về phòng chống thiên tai.

b) Thông tin, dữ liệu về thiên tai ảnh hưởng đến công trình phải được cập nhật thường xuyên bao gồm thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

c) Hồ sơ quản lý công trình và thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có thống tại tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp:

Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ.

Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ.

Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình.

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình khi có yêu cầu và xử lý các hành vi vi phạm về đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Tổ chức thực hiện nội dung đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên địa bàn.

b) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

c) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình do địa phương quản lý.

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình.

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

Chương III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Mục 1

BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ

Điều 7. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với quản lý vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở

1. Đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát công trình phòng chống sạt lở

a) Thường xuyên đo đạc, quan trắc sự biến đổi về hình học; biến dạng; chuyển dịch ngang, dọc, đứng; các thông số kỹ thuật khác của công trình, hạng mục công trình và diễn biến lòng dẫn, bãi sông, bãi biển trong phạm vi bảo vệ công trình và vùng phụ cận.

b) Đo đạc, quan trắc, theo dõi mực nước, dòng chảy, sóng thường xuyên tác động lên công trình và các yếu tố thủy hải văn khác, đặc biệt là các giá trị tương đương với mức thiết kế.

2. Thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình phòng chống sạt lở định kỳ theo quy định về bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình.

3. Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở theo cấp độ rủi ro thiên tai (lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, mưa lớn, động đất và sóng thần).

a) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ trước mùa mưa lũ hàng năm về hiện trạng công trình và mức độ ổn định công trình, hạng mục công trình phòng chống sạt lở theo các cấp độ rủi ro thiên tai và mức thiết kế.

b) Kiểm tra, đánh giá đột xuất hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình, hạng mục công trình phòng chống sạt lở theo cấp độ rủi ro thiên tai ngay sau khi có cảnh báo thiên tai hoặc kết thúc đợt thiên tai.

4. Sửa chữa, xử lý sự cố ảnh hưởng đến an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình hoặc hạng mục công trình phòng chống sạt lở.

a) Tổ chức sửa chữa các hư hỏng và xử lý kịp thời sự cố công trình, hạng mục công trình bảo đảm chất lượng, ứng phó hiệu quả với các tình huống thiên tai.

b) Xử lý các hành vi vi phạm an toàn công trình, như khai thác tài nguyên, khoáng sản, chứa chất vật liệu, xây dựng công trình, nhà ở, neo đậu tàu thuyền và các hoạt động khác gây ảnh hưởng đến an toàn công trình, hạng mục công trình phòng chống sạt lở.

c) Trường hợp hư hỏng, sự cố công trình vượt quá khả năng xử lý của địa phương, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên để được hỗ trợ.

6. Xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại khoản 6 Điều 5, Chương 2 Thông tư này và các nội dung cụ thể bao gồm:

a) Đặc điểm địa hình, thiên tai khu vực công trình và vùng phụ cận công trình.

b) Quy mô công trình và mức đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai của công trình.

c) Xác định các kịch bản về sự cố công trình tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai.

d) Các biện pháp bảo vệ công trình ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai, loại hình thiên tai.

đ) Tổ chức thường trực, thông tin, cảnh báo diễn biến thiên tai.

e) Chế độ, phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến các đối tượng bị ảnh hưởng.

g) Phân công trách nhiệm thực hiện.

7. Ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định.

a) Lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến về lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, mưa lớn, động đất, sóng thần và điều kiện thực tiễn tại địa phương.

b) Tổng hợp và báo cáo kịp thời, chính xác tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

c) Trường hợp sự cố công trình do thiên tai gây ra vượt quá khả năng của địa phương, phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên để được hỗ trợ.

d) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng chống sạt lở đảm bảo kịp thời đưa công trình vận hành ứng phó với thiên tai.

8. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ về quản lý công trình, cơ sở dữ liệu về thiên tai trong quản lý và sử dụng công trình phòng chống sạt lở.

a) Hồ sơ quản lý công trình phòng chống sạt lở phải được lưu trữ bao gồm tài liệu thiết kế công trình; tài liệu sửa chữa lớn, nâng cấp công trình; tài liệu về duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ và đột xuất về hiện trạng và mức độ an toàn phòng chống thiên

tai; phương án ứng phó thiên tai và các tài liệu khác liên quan đến an toàn về phòng chống thiên tai.

b) Thông tin, dữ liệu về lũ, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, mưa lớn, động đất, sóng thần ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình và thiệt hại do thiên tai gây ra đối với công trình.

c) Hồ sơ quản lý công trình và thông tin, dữ liệu về thiên tai phải được lưu trữ có hệ thống tại cơ quan quản lý trực tiếp công trình.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng công trình phòng chống sạt lở

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 7 Thông tư này.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý theo thời gian như sau:

Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ.

Trước 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ.

Trước 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

c) Khi phát hiện các hoạt động, hành vi và sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình và hoạt động phòng chống thiên tai đối với công trình, phải kịp thời thông tin, báo cáo cho các đơn vị có liên quan và cơ quan chủ quản để xử lý, khắc phục. Trường hợp các hoạt động, hành vi và sự cố xảy ra nghiêm trọng mà cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý không xử lý được hoặc việc phối hợp xử lý chưa đạt yêu cầu thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp để được hỗ trợ.

d) Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai.

đ) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở.

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai

trên địa bàn; tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình phòng chống sạt lở, báo cáo Ủy ban nhân quản lý trực tiếp.

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình phòng chống sạt lở theo quy định.

d) Kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình và mức độ bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở thuộc phạm vi quản lý.

đ) Tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu hàng năm về thiên tai và công trình phòng chống sạt lở trong phạm vi toàn tỉnh.

e) Báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ việc sửa chữa, xử lý sự cố, các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình và ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu.

g) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình phòng chống sạt lở khi có yêu cầu và xử lý các hành vi vi phạm về đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở thuộc phạm vi quản lý.

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

a) Tổ chức thực hiện nội dung đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở trên địa bàn.

b) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở.

c) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phòng chống sạt lở do địa phương quản lý.

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình.

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

Mục 2

BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH ĐỀ ĐIỀU

Điều 9. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình đê điều

1. Đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.

a) Thực hiện việc đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát công trình đê điều

- Khảo sát địa hình, địa chất các tuyến đê; đo vẽ mặt cắt cố định ngang sông định kỳ; đo đạc sơ hoạ diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê.

- Quan trắc biến dạng, chuyển vị, thấm của các đoạn đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê xung yếu.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng đê điều theo quy định của pháp luật về Đê điều.

b) Khi có lũ, bão ảnh hưởng trực tiếp đến công trình đê điều:

- Thường xuyên đo đạc, quan trắc mực nước, sóng, thủy triều; theo dõi diễn biến của lũ, bão.

- Thực hiện việc tuần tra, canh gác theo cấp báo động đê theo dõi diễn biến công trình đê điều tuân thủ quy định tại Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ.

2. Thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình đê điều, bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão theo Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kỹ thuật duy tu, bảo dưỡng đê điều; quản lý, sử dụng vật tư dự trữ phòng chống lụt bão tại Quyết định số 17/2002/QĐ-BNN ngày 12/03/2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định quản lý và sử dụng vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

3. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra an toàn công trình đê điều, liên quan đến an toàn đê điều, thoát lũ theo quy định.

4. Kiểm tra, đánh giá an toàn phòng chống lũ, bão đối với công trình đê điều

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều hàng năm, xác định các vị trí trọng điểm xung yếu.

b) Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều ngay sau khi có cảnh báo lũ, bão hoặc kết thúc đợt lũ, bão.

5. Sửa chữa hư hỏng, xử lý sự cố công trình đê điều; xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đê điều

a) Tổ chức sửa chữa hư hỏng và xử lý kịp thời sự cố đê điều theo quy định tại Thông tư số 68/2020/TT-BTC.

b) Xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều theo quy định của Luật Đê điều và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Xây dựng, phê duyệt phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều

a) Xây dựng, phê duyệt phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều theo các nội dung sau: hiện trạng công trình; dự kiến các tình huống xảy ra; giải pháp kỹ thuật xử lý; khối lượng vật tư, phương tiện, lượng lực ứng phó; phương án huy động vật tư, nhân lực, đường vận chuyển, thời gian tập kết, phân công trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và xây dựng bản đồ phương án, huy động vật tư, nhân lực cho từng trọng điểm.

b) Phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều phải đáp ứng về nhân lực, vật tư, phương tiện theo phương châm 4 tại chỗ “lực lượng tại chỗ; chỉ huy tại chỗ; vật tư, hậu cần tại chỗ; phương tiện tại chỗ” nhằm kịp thời công tác hộ đê, đảm bảo an toàn đê điều.

c) Phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều phải được xây dựng, rà soát, điều chỉnh hàng năm.

d) Đối với phương án chưa được phê duyệt, phải tổ chức phê duyệt trước 15 tháng 5 hàng năm.

7. Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình đầu mối chống lũ, cống qua đê

a) Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý công trình.

b) Khi vận hành công trình đầu mối phải thực hiện thông tin, cảnh báo đến cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan và chính quyền khu vực hạ du, nhất là trong tình huống đang có lũ.

c) Quá trình thực hiện vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào nhật ký vận hành công trình và được kiểm tra, giám sát.

8. Hộ đê

a) Việc hộ đê phải được tiến hành thường xuyên, nhất là trong mùa lũ, bão và phải cứu hộ kịp thời khi đê điều bị sự cố hoặc có nguy cơ bị sự cố.

b) Đảm bảo an toàn đê điều trong mùa lũ bão: Thực hiện theo quy định tại Chương IV Luật Đê điều về hộ đê, Thông tư số 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều trong mùa lũ.

9. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ về quản lý công trình đê điều, cơ sở dữ liệu về lũ, bão trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

a) Hồ sơ quản lý công trình đê điều phải được lưu trữ bao gồm tài liệu thiết kế công trình; tài liệu tu bổ, nâng cấp công trình; tài liệu về kiểm định, bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình; các biên bản, báo cáo đánh giá hiện trạng công trình; phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều; quy trình vận hành công trình và các tài liệu khác liên quan đến an toàn đê điều.

b) Thông tin, dữ liệu về lũ, bão, sự cố đê điều phải được cập nhật thường xuyên và theo từng đợt lũ, bão.

c) Hồ sơ quản lý công trình đê điều và thông tin, dữ liệu về lũ, bão phải được lưu trữ có hệ thống tại Hạt quản lý đê, Chi cục Quản lý đê điều (Chi cục Thủy lợi), các đơn vị quản lý đê chuyên dùng, cống qua đê.

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện bảo đảm an toàn đê điều

1. Lực lượng chuyên trách quản lý đê điều

a) Kiểm tra, theo dõi diễn biến tình trạng đê điều.

b) Lập hồ sơ lưu trữ và cập nhật thường xuyên các dữ liệu về đê điều.

c) Xây dựng phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều; phương án xử lý sự cố đê điều.

d) Thực hiện các nội dung khác liên quan đến đảm bảo an toàn đê điều quy định tại Chương V về lực lượng trực tiếp quản lý đê điều của Luật Đê điều.

2. Chi cục Quản lý đê điều (Chi cục Thủy lợi): chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, chỉ đạo lực lượng chuyên trách quản lý đê điều thực hiện việc quản lý, kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều trên địa bàn; duy tu, bảo dưỡng đê điều; xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều và các nội dung khác về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình đê điều theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo Chi cục Quản lý đê điều (Chi cục Thủy lợi) tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 9 Thông tư này.

b) Thực hiện báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều theo quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 4 hàng năm.

c) Hướng dẫn, tổ chức xây dựng, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và trình phê duyệt phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều.

d) Báo cáo kết quả thực hiện nội dung bảo đảm an toàn đê điều.

đ) Thực hiện các nội dung khác quy định tại Điều 9 Thông tư này.

4. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đê điều, phương án hộ đê.

b) Thực hiện các nội dung liên quan đến đảm bảo an toàn đê điều quy định tại Chương III về bảo vệ và sử dụng đê điều, Chương IV về hộ đê, Chương VI về trách nhiệm quản lý nhà nước về đê điều của Luật Đê điều và các nội dung khác quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Mục 3

BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH: ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI, CÔNG TRÌNH CHỐNG ÚNG, CHỐNG HẠN, CHỐNG XÂM NHẬP MẶN, CHỐNG LŨ QUÉT, CẤP NƯỚC, CẢNH BÁO THIÊN TAI, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU THUYỀN VÀ CẢNG CÁ

Điều 11. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn, chống lũ quét, cấp nước, cảnh báo thiên tai, cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền

1. Thực hiện các quy định chung về nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình quy định tại Điều 5, Chương 2 Thông tư này.

2. Đối với công trình đập, hồ chứa, công trình chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn:

a) Kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình trước, trong và ngay sau khi thiên tai xảy ra; lập danh mục các công trình hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn và bố trí kinh phí sửa chữa, khắc phục.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa; rà soát, đánh giá các nội dung không còn phù hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền khẩn trương điều chỉnh, bổ sung nhằm bảo đảm vận hành an toàn công trình trước thiên tai.

c) Thực hiện thông tin, cảnh báo kịp thời, chính xác khi vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường và trong tình huống khẩn cấp, bao gồm thời gian, tín hiệu cảnh báo, thời điểm cảnh báo, vị trí cảnh báo.

d) Rà soát, hoàn thiện phương án bảo vệ công trình và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp cho công trình và vùng hạ du đập.

đ) Rà soát đánh giá khả năng thoát lũ sau tràn các hồ chứa.

e) Triển khai các biện pháp phòng, chống mưa lũ trước, trong và sau thiên tai bão đối với công trình, nhất là việc bảo đảm an toàn đập, hồ chứa; ứng phó nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, ngập sâu.

g) Tổ chức diễn tập phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là vùng hạ du các đập, hồ chứa nước xung yếu, vùng hạ du là thành phố, thị xã, khu công nghiệp, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

h) Tổ chức trực ban 24/24 giờ để theo dõi cập nhật thông tin diễn biến thiên tai và các hoạt động đảm bảo an toàn công trình.

3. Đối với công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền

a) Công bố danh sách khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền đủ điều kiện hoạt động theo quy định.

b) Ban hành và thông báo công khai quy chế quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền.

c) Xây dựng phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phương án sắp xếp tàu thuyền neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định.

đ) Tổ chức hướng dẫn, sắp xếp cho tàu thuyền vào neo đậu đúng nơi quy định, đảm bảo an toàn theo quy trình và phương án quản lý, vận hành.

e) Kiểm tra, kiểm soát việc người ở lại trên các phương tiện trong khu neo đậu khi có thiên tai xảy ra.

4. Đối với các công trình khác

a) Thực hiện các biện pháp phòng chống đảm bảo an toàn công trình trước trong và sau thiên tai.

b) Tổ chức trực ban để theo dõi cập nhật thông tin diễn biến thiên tai và các hoạt động đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai đối với công trình.

Điều 12. Trách nhiệm thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng công trình

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Điều 11 Thông tư này.

b) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình theo quy định, gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý theo thời gian như sau:

Trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với công trình ở Bắc Bộ.

Trước 30 tháng 6 hàng năm đối với công trình ở Trung Bộ.

Trước 31 tháng 7 hàng năm đối với công trình ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

c) Khi phát hiện các hoạt động, hành vi và sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình và hoạt động phòng chống thiên tai đối với công trình, phải kịp thời thông tin, báo cáo cho các đơn vị có liên quan và cơ quan chủ quản để xử lý, khắc phục. Trường hợp các hoạt động, hành vi và sự cố xảy ra nghiêm trọng

mà cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý không xử lý được hoặc việc phối hợp xử lý chưa đạt yêu cầu thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp để được hỗ trợ.

d) Thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý chuyên ngành kết quả thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai.

đ) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng chống sạt lở.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng công trình việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trên địa bàn; tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp.

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình theo quy định.

d) Kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình và mức độ bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình phạm vi quản lý.

đ) Báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ việc sửa chữa, xử lý sự cố, các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình và ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu.

e) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các tình huống ảnh hưởng đến an toàn công trình khi có yêu cầu và xử lý các hành vi vi phạm về đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

e) Thực hiện các trách nhiệm quản lý nhà nước khác có liên quan về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Tổ chức thực hiện nội dung đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên địa bàn.

b) Thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

c) Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình do địa phương quản lý.

d) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với công trình.

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm đảm bảo yêu cầu phòng chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

1. Hàng năm, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình đối với các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc phạm vi quản lý và gửi kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo.

2. Ủy ban nhân dân các cấp lập kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và gửi về cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp trên.

3. Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức các hoạt động kiểm tra đột xuất nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai nhằm đôn đốc và chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót, vi phạm để tăng cường hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về phòng, chống, thiên tai.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra và tự kiểm tra nội dung bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Phòng chống thiên tai chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này trên phạm vi cả nước.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc CP;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo và Website Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, VP, TTra thuộc Bộ
- Đơn vị chủ trì soạn thảo TT: Tổng cục PCTT (Bộ NN&PTNT; ĐH_280b.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp